

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
15	099	Đoàn Thị Huệ	28/7/1993	Nữ	Thị trấn Đồng Lê, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
16	100	Hà Mạnh Hùng	25/11/1995	Nam	Thị trấn Quy Đạt, Minh Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
17	101	Trương Quang Hùng	17/3/1996	Nam	Xã Tân Hóa, Minh Hóa	CD GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
18	102	Đình Thị Lệ Huyền	28/7/1994	Nữ	Xã Yên Hóa, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
19	103	Đình Thị Thu Huyền	13.09.1994	Nữ	Xã Hồng Hóa - Minh Hóa	Cư nhân GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
20	104	Đoàn Thị Huyền	4/7/1989	Nữ	Xã Châu Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	CNCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
21	105	Hoàng Thị Ngọc Huyền	30/7/1996	Nữ	Thị trấn Đồng Lê, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	B	A2	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
22	106	Nguyễn Thanh Huyền	10/6/1994	Nữ	Xã Đức Hóa, Tuyên Hóa	CD GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
23	107	Nguyễn Thị Thanh Huyền	23/10/1994	Nữ	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	DH SP Tiểu học	UDCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
24	108	Đình Thanh Hương	7/11/1991	Nam	Xã Yên Hóa, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Con TB	
25	109	Đình Thị Hương	21/6/1997	Nữ	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	CD GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
26	110	Đình Thị Mai Hương	23/6/1996	Nữ	Xã Lâm Hóa, Tuyên Hóa	DH SP Tiểu học	UDCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
27	111	Đình Thị Thu Hương	2/12/1994	Nữ	Xã Quy Hóa, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
28	112	Phạm Thị Hương	10/3/1996	Nữ	Xã Đức Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN

Hồ Văn Thường

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN VÒNG 2**  
(Phòng phỏng vấn số 05)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đội tương ưu tiên	Ghi chú
1	113	Nguyễn Thi	17/1/1995	Nữ	Xã Đức Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
2	114	Phan Thị Thu	29/9/1996	Nữ	Xã Đông Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
3	115	Nguyễn Thị Cẩm	29/1/1985	Nữ	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	Kỹ sư	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
4	116	Nguyễn Như	18/3/1991	Nữ	Xã Hương Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	DH Tin	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
5	117	Cao Thị	26/6/1998	Nữ	Xã Sơn Hóa, Tuyên Hóa	CD GD Tiểu học; Chứng chỉ Đoàn-Hội-Đội	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	THTP TB.05	Không	
6	118	Lê Thị Hồng	8/5/1991	Nữ	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
7	119	Bùi Thị	13/9/1995	Nữ	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
8	120	Nguyễn Thị Mỹ	20/2/1997	Nữ	Xã Tiến Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
9	121	Trần Thị	22/5/1995	Nữ	Xã Xuân Hóa, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
10	122	Nguyễn Thị Kim	2/7/1993	Nữ	Xã Sơn Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
11	123	Đinh Thị Mỹ	19/5/1995	Nữ	TT Đông Lê, Tuyên Hóa	CD GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
12	124	Đinh Thị Nhật	26/5/1996	Nữ	Thị trấn Quy Đạt, Minh Hóa	CD GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
13	125	Nguyễn Nhật	7/7/1994	Nữ	Thị trấn Đông Lê, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
14	126	Nguyễn Thị	10/3/1994	Nữ	Xã Đức Ninh Đông, Đông Hới	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Con TB	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
15	127	Đoàn Thị Liễu	2/3/1996	Nữ	Xã Đức Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
16	128	Trần Thị Liễu	18/4/1993	Nữ	Xã Đông Hóa, Tuyên Hóa	DH Tiếng anh - SP Tiểu học	B	Trung B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	THA.04	Con BB	
17	129	Bùi Thị Tố Linh	9/5/1993	Nữ	Xã Yên Hóa, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	B	A2	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
18	130	Cao Lê Thùy Linh	3/6/1997	Nữ	Xã Trung Hóa, Minh Hóa	DH SP GD Tiểu học	CN TTC B	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
19	131	Nguyễn Thị Thùy Linh	16/9/1997	Nữ	Xã Quảng Trung, TX Ba Đồn	DH GD Tiểu học	UDCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
20	132	Nguyễn Thùy Linh	20/5/1995	Nữ	Xã Mai Hóa, Tuyên Hóa	DH SP Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
21	133	Nguyễn Thùy Linh	9/8/1997	Nữ	Xã Lộc Thủy, Lệ Thủy	CN GD Tiểu học	UDCNT T	A2	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
22	134	Trần Nữ Cẩm Linh	23/12/1997	Nữ	Xã Quảng Liên, Quảng Trạch	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
23	135	Trinh Thị Mỹ Linh	21/5/1997	Nữ	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
24	136	Cao Thị Loan	23/12/1997	Nữ	Xã Minh Hóa, Minh Hóa	DH GD Tiểu học	UDCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Con TB	
25	137	Cao Thị Hồng Loan	17/11/1990	Nữ	Xã Hồng Hóa, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	Tin học VP	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
26	138	Cao Thị Kim Loan	9/9/1997	Nữ	Xã Mai Hóa, Tuyên Hóa	GD GD Tiểu học	UDCNT T	A2	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
27	139	Đinh Phương Loan	2/5/1997	Nữ	Xã Lê Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	UDCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
28	140	Nguyễn Thị Tố Loan	15/6/1996	Nữ	Xã Châu Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

*(Handwritten signature)*

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN**

**Hồ Vũ Thường**

*(Handwritten mark)*

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN VÒNG 2**  
(Phòng phỏng vấn số 06)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
1	141	Trần Thị Loan	2/2/1993	Nữ	Xã Châu Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
2	142	Cao Thị Luyện	6/2/1993	Nữ	Xã Thượng Hóa, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
3	143	Cao Thị Thanh Luyện	16/8/1991	Nữ	Xã Trung Hóa, Minh Hóa	CB GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
4	144	Nguyễn Thị Luyện	18/3/1997	Nữ	Xã Sơn Hóa, Tuyên Hóa	CB GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
5	145	Đình Thị Hoài Lương	4/10/1996	Nữ	Xã Trung Hóa, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
6	146	Hoàng Thị Diệu Lương	4/3/1996	Nữ	Xã Đức Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	UDCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
7	147	Thái Thị Lương	10/9/1995	Nữ	Xã Trung Hóa, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
8	148	Trương Thị Lương	26/9/1994	Nữ	Xã Minh Hóa, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
9	149	Trần Trường Lưu	16/2/1989	Nữ	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
10	150	Cao Thị Lưu	18/10/1997	Nữ	Xã Lê Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
11	151	Phạm Thị Lưu	6/1/1996	Nữ	Xã Quảng Trung, TX Ba Đồn	TC SP Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
12	152	Hoàng Mỹ Ly	18/12/1995	Nữ	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	TC GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
13	153	Nguyễn Thị Thiên Lý	7/1/1997	Nữ	Xã Thuận Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	UDCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
14	154	Võ Thị Lý	23/6/1997	Nữ	Xã Hưng Thủy, Lệ Thủy	DH GD Tiểu học	B	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
15	155	Đoàn Thị Ngọc	4/7/1994	Nữ	Xã Hương Hóa, Tuyên Hóa	CD GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
16	156	Hoàng Thị Ngọc	14/2/1997	Nữ	Xã Châu Hóa, Tuyên Hóa	CD GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
17	157	Trần Thị Tuyết	22/7/1994	Nữ	Xã Đức Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	KTV	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
18	158	Cao Thị	25/2/1991	Nữ	TT Quy Đạt, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
19	159	Cao Thị Hằng	20/8/1994	Nữ	Xã Hòa Hợp, Minh Hóa	CD GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Dàn tộc Sách	
20	160	Đình Thị Hoài	26/01/1995	Nữ	Xã Hòa Hợp, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
21	161	Nguyễn Thị Hằng	22/8/1989	Nữ	Xã Yên Hóa, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Con BB	
22	162	Đặng Thị Thảo	23/8/1997	Nữ	Phường Vĩ Dạ, TP Huế	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
23	163	Nguyễn Thị Thảo	1/10/1996	Nữ	Xã Hương Hóa, Tuyên Hóa	CD GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
24	164	Võ Thị Phương	5/4/1996	Nữ	TT Quy Đạt, Minh Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
25	165	Cao Thị Lê	2/9/1994	Nữ	Xã Lâm Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
26	166	Phạm Thị Thắm	21/10/1996	Nữ	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
27	167	Đình Hải	26/9/1996	Nam	Xã Sơn Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	B	A2	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
28	168	Cao Thị Lưu	23/2/1995	Nữ	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	TC SPGD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	DT Ưu số	

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**PHO CHỦ TỊCH UBND HUYỆN**

**Hà Vũ Thường**

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN VÒNG 2**  
(Phòng phỏng vấn số 07)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
1	169	Đình Thị	22/11/1994	Nữ	Xã Yên Hóa, Minh Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
2	170	Hồ Thị	20/11/1993	Nữ	Xã Phong Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
3	171	Hoàng Thị	12/10/1993	Nữ	Phù Hóa, Quảng Trạch	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
4	172	Cao Thị Bích	8/3/1992	Nữ	Thị trấn Quy Đạt, Minh Hóa	DH SP Tiểu học	A	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
5	173	Mai Thị Bích	2/6/1995	Nữ	Xã Thạch Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
6	174	Nguyễn Thị Bích	25/12/1994	Nữ	Xã Đức Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
7	175	Trần Thị Phương	5/10/1997	Nữ	Xã Thạch Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
8	176	Đình Thị Thu	8/8/1997	Nữ	Xã Trung Hóa, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Con BB	
9	177	Trần Thị Ánh	24/9/1994	Nữ	Thị trấn Quy Đạt, Minh Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
10	178	Phạm Thị Thanh	24/8/1997	Nữ	Phường Đồng Mỹ, Đồng Hới	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
11	179	Hà Thị Ý	20/2/1997	Nữ	Xã Đông Hóa, Tuyên Hóa	CD SP Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
12	180	Hoàng Thị Hồng	6/8/1997	Nữ	Xã Phú Hóa, Quảng Trạch	CD GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
13	181	Hoàng Thị Yên	7/10/1996	Nữ	Xã Lê Hóa, Tuyên Hóa	CD GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
14	182	Nguyễn Thị	1/12/1996	Nữ	Xã Thạch Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
15	183	Trần Thị Phương	24/4/1997	Nữ	Xã Quảng Thuận, TX Ba Đồn	CD GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
16	184	Trần Thị Uyên	5/6/1995	Nữ	Kim Hóa, Tuyên Hóa	CD SP Sinh - GD Thẻ chất	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.TD.03	Không	
17	185	Hoàng Thị	3/8/1995	Nữ	Thị trấn Quy Đạt, Minh Hóa	DH SPGD Tiểu học	B	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
18	186	Phạm Thị Hồng	10/4/1995	Nữ	Thị trấn Đồng Lê, Tuyên Hóa	CD GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
19	187	Phạm Thị Thùy	6/8/1992	Nữ	Xã Đồng Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
20	188	Tạ Thị Trang	12/4/1993	Nữ	Xã Quảng Phú, Quảng Trạch	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
21	189	Trình Thị	6/4/1995	Nữ	Xã Đồng Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
22	190	Cao Thị Kim	2/10/1997	Nữ	Xã Đồng Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
23	191	Dương Thị	16/6/1997	Nữ	Xã Quảng Tùng, Quảng Trạch	CD GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
24	192	Hà Thị Kiều	5/3/1994	Nữ	Xã Đức Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
25	193	Hoàng Phương	2/5/1993	Nữ	Thị trấn Đồng Lê, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
26	194	Hoàng Thị Kim	1/3/1997	Nữ	Xã Sơn Hóa, Tuyên Hóa	CD GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
27	195	Nguyễn Thị	10/10/1993	Nữ	Xã Thạch Hóa, Tuyên Hóa	DH SPGD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Con TB, BB	
28	196	Trần Thị	14/12/1996	Nữ	Xã Phong Hóa, Tuyên Hóa	TC GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN**

Hồ Vũ Thường

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN VÒNG 2**  
(Phòng phỏng vấn số 08)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
1	197	Hoàng Văn Pháp	4/4/1987	Nam	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	TC GDDTiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
2	198	Lê Trung Phong	10/12/1994	Nữ	Xã Sơn Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
3	199	Hồ Thị Phụng	16/3/1991	Nữ	Xã Hương Hóa, Tuyên Hóa	CN SP Mỹ Thuật	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	THMT.02	Không	
4	200	Nguyễn Hùng Phước	26/3/1993	Nam	Xã Hòa Thanh, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
5	201	Đình Thị Phương	29/11/1994	Nữ	Xã Lâm Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
6	202	Đình Thị Hoài Phương	29/3/1997	Nữ	Xã Quảng Lộc, Quảng Trạch	CD SP Tiểu học	Tin học ứng dụng	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
7	203	Nguyễn Thị Phương	2/5/1998	Nữ	Xã Thạch Hóa, Tuyên Hóa	CD SP Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
8	204	Trần Thị Phương	29/9/1995	Nữ	Xã Phong Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
9	205	Cao Thị Hồng Phương	15/5/1996	Nữ	Xã Thạch Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
10	206	Nguyễn Thị Mỹ Phương	5/9/1995	Nữ	Xã Cao Quảng, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
11	207	Nguyễn Vinh Quang	10/7/1997	Nam	Xã Đức Hóa, Tuyên Hóa	CD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
12	208	Ngô Thị Thu Quyên	26/8/1995	Nữ	Xã Thuận Hóa, Tuyên Hóa	DH SP Tiểu học	UDCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
13	209	Đình Thị Quỳnh	20/10/1992	Nữ	Xã Hòa Thanh, Minh Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Dân tộc thiểu số	
14	210	Đình Thị Diễm Quỳnh	23/6/1994	Nữ	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Con đẻ CDHH	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đội tương ưu tiên	Ghi chú
15	211	Nguyễn Như Quỳnh	20/10/1996	Nữ	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	TC GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
16	212	Tương Thị Phương Quỳnh	14/11/1997	Nữ	Xã Quảng Kim, Quảng Trạch	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
17	213	Đình Thị Sen	28/6/1994	Nữ	Xã Hòa Thanh, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
18	214	Nguyễn Hùng Sơn	10/10/1990	Nam	Xã Xuân Trạch, Bố Trạch	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
19	215	Nguyễn Văn Tài	16/4/1996	Nam	Xã Thạch Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
20	216	Hà Thị Thanh Tâm	10/8/1996	Nữ	Xã Mai Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	B	A2	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
21	217	Đình Thị Thanh Tĩnh	1/8/1995	Nữ	TT Quy Đạt, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
22	218	Hoàng Thị Thúy Tĩnh	12/12/1997	Nữ	Xã Cảnh Hóa, Quảng Trạch	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
23	219	Trần Thị Tĩnh	5/7/1997	Nữ	Xã Quảng Trạch, Quảng Trạch	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
24	220	Đình Anh Tuấn	30/7/1994	Nam	Xã Yên Hóa, Minh Hóa	CN GD Tiểu học; CC Đoàn-Hội-Đôi	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	THTP TD.05	Không	
25	221	Trương Văn Tuấn	20/6/1993	Nam	Xã Minh Hóa, Minh Hóa	DH SP Giáo dục TH	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
26	222	Phan Thanh Tùng	10/6/1995	Nam	Xã Hồng Hóa, Minh Hóa	CD SP Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
27	223	Đình Hữu Tuyển	16/8/1993	Nam	TT Quy Đạt, Minh Hóa	CD GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
28	224	Đoàn Thị Tuyết	04/5/1995	Nữ	Xã Đức Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Con BB	

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN**  
**Hộ Vũ Thường**

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN VÒNG 2**  
(Phòng phỏng vấn số 09)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đôi tượng ưu tiên	Ghi chú
1	225	Hà Thị	16/10/1995	Nữ	Xã Mai Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
2	226	Lê Thị	26/9/1996	Nữ	Xã Mai Hóa, Tuyên Hóa	CB GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
3	227	Lê Thị Phương	10/10/1994	Nữ	Xã Tiên Hóa, Tuyên Hóa	CB Giáo dục TH	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
4	228	Trần Thị Thanh	12/9/1996	Nữ	TT Đồng Lê, Tuyên Hóa	CB GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
5	229	Đình Tất	25/12/1989	Nam	Xã Quy Đạt, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
6	230	Nguyễn Thị	20/8/1995	Nữ	Xã Cao Quang, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	B	Bậc 2	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
7	231	Nguyễn Thị Phương	2/2/1995	Nữ	Xã Sơn Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
8	232	Nguyễn Thị Phương	24/5/1997	Nữ	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	TC SP Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
9	233	Trần Phương	5/9/1997	Nữ	Xã Kim Hóa, Tuyên Hóa	DH SPGD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
10	234	Cao Thị	15/11/1997	Nữ	Xã Thượng Hóa, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
11	235	Nguyễn Thị	15/12/1996	Nữ	Xã Mai Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	UDCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
12	236	Võ Hồng	1/1/1995	Nữ	Xã Nam Hóa, Tuyên Hóa	CBGD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
13	237	Nguyễn Thị Hồng	9/5/1994	Nữ	Xã Quảng Phú, Quảng Trạch	CN GD Tiểu học	B	A2	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
14	238	Trương Văn	15/9/1997	Nam	Xã Thượng Hóa, Minh Hóa	CB GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đội tương ưu tiên	Ghi chú
15	239	Cao Thị Thoan	14/4/1994	Nữ	Xã Xuân Hóa, Minh Hóa	CD GD Tiểu học	B	A2	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
16	240	Trương Duy Thông	5/7/1994	Nam	Xã Minh Hóa, Minh Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
17	241	Đinh Thị Thu	27/10/1994	Nữ	Thị trấn Quy Đạt, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
18	242	Đinh Thị Hoài Thu	18/6/1997	Nữ	Xã Yên Hóa, Minh Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
19	243	Cao Thị Biên Thùy	23/4/1995	Nữ	Xã Sơn Hóa, Tuyên Hóa	CD GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Con TB	
20	244	Hà Thị Hồng Thùy	26/3/1995	Nữ	Xã Mai Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
21	245	Nguyễn Thị Thu Thùy	13/8/1991	Nữ	Xã Tiến Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học; Chứng chỉ Đoàn -	B	B2	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	THTP TD.05	Không	
22	246	Phạm Thị Thùy	10/10/1995	Nữ	Xã Đức Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	B	A2	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
23	247	Trần Thị Bích Thủy	17/8/1997	Nữ	Xã Văn Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
24	248	Đậu Thị Hoài Thương	25/5/1995	Nữ	Xã Mai Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
25	249	Đinh Thị Hồng Thương	1/11/1981	Nữ	Xã Yên Hóa, Minh Hóa	TC GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Con BB	
26	250	Nguyễn Thị Hoài Thương	15/2/1994	Nữ	Thị trấn Quy Hóa, Minh Hóa	DH SPGD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN**  
**Hồ Vũ Thường**

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN VÒNG 2**  
(Phòng phỏng vấn số 10)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
1	251	Đinh Hương	27/4/1995	Nữ	Xã Minh Hóa, Minh Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
2	252	Đinh Thị	5/1/1997	Nữ	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
3	253	Đinh Thị Huyền	7/10/1995	Nữ	Xã Quy Hóa, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
4	254	Đinh Thị Thùy	1/10/1995	Nữ	Xã Thượng Hóa, Minh Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
5	255	Lê Thị Quỳnh	28/3/1994	Nữ	Xã Châu Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
6	256	Lương Thị Huyền	25/5/1995	Nữ	Thị trấn Đồng Lê, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	B	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
7	257	Nguyễn Thị Lệ	20/10/1997	Nữ	Xã Quảng Lưu, Quảng Trạch	CN GD Tiểu học	UDCNT T	B1	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
8	258	Phạm Thị Huyền	10/10/1994	Nữ	Thị trấn Đồng Lê, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
9	259	Phùng Thị Huyền	02/9/1995	Nữ	Xã Thuận Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	B	A2	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
10	260	Trần Kiều	22/10/1995	Nữ	Xã Hương Hóa, Tuyên Hóa	TC SP Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
11	261	Trần Thị Huyền	28/8/1995	Nữ	Thị trấn Đồng Lê, Tuyên Hóa	TC SP GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
12	262	Trần Thị Quỳnh	1/2/1997	Nữ	TT Quy Đạt, Minh Hóa	CD GD Tiểu học	A	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
13	263	Hoàng Nữ Huyền	15/3/1989	Nữ	Xã Minh Hóa, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	Cư nhân	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
14	264	Trình Thị Tuyết	4/11/1994	Nữ	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
15	265	Trần Đức	10/6/1996	Nam	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	CD GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
16	266	Đình Thị Hồng	15/11/1992	Nữ	Xã Trung Hóa, Minh Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
17	267	Đình Thị Thanh	28/4/1995	Nữ	Xã Yên Hóa, Minh Hóa	DH GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
18	268	Hà Thị Lê	20/6/1993	Nữ	Xã Mai Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Tiểu học	B	C	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
19	269	Nguyễn Thị Tú	6/5/1997	Nữ	Xã Quảng Tùng, Quảng Trạch	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
20	270	Trần Thị Thanh	25/5/1985	Nữ	Xã Quảng Lộc, TX Ba Đồn	CN GD Tiểu học	CNCNT T	A	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Con TB	
21	271	Mai Thị	4/6/1994	Nữ	TT Đông Lê, Tuyên Hóa	TC SP Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
22	272	Nguyễn Thị Hồng	2/7/1997	Nữ	Xã Quảng Thach, Quảng Trạch	CD GD Tiểu học	UDCNT T	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
23	273	Nguyễn Quang	15/2/1996	Nam	Xã Đức Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Tiểu học; Chứng chỉ Đoàn	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	THTP TD.05	Không	
24	274	Đình Thị Hải	8/4/1997	Nữ	Xã Yên Hóa, Minh Hóa	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	
25	275	Hoàng Thị	20/2/1997	Nữ	Xã Lâm Hóa, Tuyên Hóa	CD SPGD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Dân tộc TS	
26	276	Tương Thị	11/8/1997	Nữ	Xã Quảng Hợp, Quảng Trạch	CN GD Tiểu học	B	B	Giáo viên Tiểu học hạng IV; mã số V.07.03.09	TH.01	Không	

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN**  
**Hồ Vũ Thường**